

Nam Chiếu

Tên bản ngữ

- 南詔 (chữ Hán)

𐀄𐀆𐀉 (Lô Lô / Bắc Di)



738–937

Vị thế Vương quốc Thủ đô Thái Hòa thành (太和城; nay là Thành phố Đại Lý tỉnh Vân Nam) Ngôn ngữ thông dụng Tiếng Hán trung cổ

Tiếng Lô Lô

Tiếng Bạch

Tiếng Di Tôn giáo chính Đạo Phật Chính trị Chính phủ Quân chủ chuyên chế Lịch sử

- Thành lập

738

- Giải thể

937

Tiền thân

Kế tục Đế quốc Tây Tạng Đại Trường Hoà Đại Lý Hiện nay là một phần của Trung Quốc

Lào

Myanmar

Việt Nam Nam Chiếu Tên tiếng Trung Phồn thể 南詔

大禮

姜域 Giản thể 南诏

大禮

姜域 Phiên âm Tiếng Hán tiêu chuẩn Bính âm Hán ngữ Nánzhào

Dàilǐ

Jiāngyù Wade–Giles Nan-chao

Da-li

Chiang-yu Tên Tây Tạng Chữ Tạng འཛམ་ཅན་ཡུལ་ Phiên âm Wylie Ijang yul Tên tiếng Việt Tiếng Việt Nam Chiếu

Đại Lễ

Khương Vực Tên tiếng Thái Tiếng Thái น่านเจ้า Hệ thống Chuyển tự Tiếng Thái Hoàng gia

Nanchao Tên tiếng Lào Lào ນານຈຽວ /nă:n.tɕaw/

ນ ັນຈຽວ /nă:n.tɕaw/

ນ ັນຈຽວ /nă:n.tɕaw/

ໜອງເຈນ /nɔ̌:ŋ.sɛ̌:/

Nam Chiếu quốc (chữ Hán: 南詔國), cũng gọi **Đại Lễ** (大禮), người Thổ Phồn gọi **Khương Vực** (姜域), là một vương quốc của người Bạch, người Miêu và người Di (người Lô Lô), và cộng đồng người Thái (Taikadai) chiếm số nhỏ, họ đã phát triển rực rỡ ở Đông Nam Á trong các thế kỷ 8 và thế kỷ 9. Vương quốc nằm trong khu vực mà ngày nay là tỉnh Vân Nam của Trung Hoa, và một phần phía tây của Bắc Bộ Việt Nam.



Lược đồ châu Á thế kỷ 8

Vương quốc tồn tại từ năm 738, khi Mông Xá (Mường Se) quốc quân Mông Bì La Các thống nhất Lục Chiếu, và nó đã đạt đến độ cực thịnh vào năm 860 khi ôm gọn vùng Vân Nam ngày nay, giáp với đông nam của Quý Châu, Tây Tạng, Tứ Xuyên; tây bắc của Việt Nam và chính bắc của Lào và Miến Điện.

Quốc gia này bị diệt vong vào năm 902, khi quyền thần Trịnh Mãi Tự giết toàn bộ vương thất Nam Chiếu và tự lập nên Đại Trường Hòa. Chiến cục sau đó ở Nam Chiếu đã bất ổn định trong một thời gian, sau khi trải qua 3 thời đại thì chính thức hình thành nên một quốc gia cường thịnh khác ở Vân Nam, Vương quốc Đại Lý.

Quốc hiệu [sửa | sửa mã nguồn]

Năm 779, Mông Dị Mâu Tầm dời đô đến **Dương Tư Khẩu Thiên Thành** (陽苴口苴城), ngày nay chính là Thành phố Đại Lý. Biệt xưng **Hạc Thác** (鶴拓), lại gọi là **Tử Thành** (紫城). Năm 794, Dị Mâu Tầm được nhà Đường phong làm **Nam Chiếu vương** (南詔王), từ đó quốc hiệu chính thức gọi là **Nam Chiếu quốc** (南詔國) hoặc **Hạc Thác**.

Năm 860, Mông Thế Long sửa quốc hiệu thành **Đại Lễ quốc** (大禮國), với ý nghĩa “*Lễ nghi chi bang*” và tự xưng Hoàng đế. Sang năm 878, Mông Long Thuần lại sửa thành **Đại Phong Dân** (大封民) hoặc **Đại Phong Nhân** (大封人), chữ “*Phong*” là chỉ người Bạch, quốc hiệu lấy dân tộc tự xưng.

Lịch sử [sửa | sửa mã nguồn]

Sự thành lập và các dân tộc [sửa | sửa mã nguồn]

Nguyên thủy, ở đây có một vài bộ lạc của người Bạch sinh sống bằng nông nghiệp trong các vùng đất màu mỡ xung quanh hồ Nhĩ Hải. Mỗi một bộ lạc là một vương quốc riêng biệt, được gọi là *Chiếu* (詔), tiếng Thái nói là Chẩu nghĩa là Chủ Nhân, Người Chủ. Người ta nói rằng đã từng có *Lục Chiếu* là: Mông Huê Chiếu, Việt Tích Chiếu, Lãng Khung Chiếu, Đằng Đạm Chiếu, Thi Lãng Chiếu, Mông Xá Chiếu. Mông Xá Chiếu ở về phía nam nên đôi khi gọi là Nam Chiếu. Năm 737, đời Huyền Tông nhà Đường ở Trung Quốc, với sự hỗ trợ của quân đội nhà Đường, Mông Bì La Các (tức Bì La Cáp) là đại chiếu của Mông Xá Chiếu đã lần lượt thống nhất Lục chiếu, thành lập ra một Vương quốc mới, gọi là **Nam Chiếu**.

Về việc này Việt Nam sử lược (VNSL) của Trần Trọng Kim có chép:

" Trong khoảng năm Khai Nguyên (713-742) đời Huyền Tông nhà Đường, Nam Chiếu là Bì La Cáp cường thịnh lên, mà 5 chiếu kia suy hèn đi. Bì La Cáp mới dứt lốt cho quan tiết độ sứ đạo Kiếm Nam là Vương Dục để xin hợp cả sáu chiếu lại làm một. Triều đình nhà Đường thuận cho, và đặt tên là Quy Nghĩa. Từ đó Nam Chiếu càng ngày càng thịnh lên, đem quân đi đánh Thổ Phồn... Bấy giờ Nam Chiếu đã mạnh lắm, bèn xưng đế và đặt quốc hiệu là Đại Mông quốc rồi lại đổi là Đại Lẽ..."

Vương quốc Nam Chiếu duy trì một mối quan hệ mật thiết với nhà Đường, và chính quyền Nam Chiếu là của hai tộc người Bạch và Di. Một số nhà sử học còn cho rằng phần lớn dân cư là người Bạch, nhưng cầm quyền lại là người Di. Thủ đô của vương quốc này được thành lập năm 738 ở Thái Hòa (ngày nay là làng Thái Hòa, cách thành cổ Đại Lý vài dặm về phía nam). Nằm ở trung tâm của thung lũng Nhĩ Hải, khu vực này khi đó là lý tưởng: nó giúp cho người ta dễ dàng chống lại các cuộc tấn công và nó nằm giữa một khu vực đất đai nông nghiệp màu mỡ.

Dân cư vùng phía Tây và Tây Nam của Nam Chiếu có lẽ phần lớn là các tộc người gốc Tây Tạng như Bạch, người Di (Lolo và La Hủ), phía Đông Nam có lẽ là người Thái gốc Nam Việt mới di cư đến (sau khi thành Phiên Ngung thất thủ) và Miêu (Hmong), Dao. Tuy nhiên, tên các vua Nam Chiếu cho thấy có lẽ họ không phải là người Thái, vì họ đặt tên theo cách dùng âm tiết cuối của tên cha để bắt đầu tên con, phổ biến trong người Lolo và các nhóm Tạng-Miến khác nhưng không phổ biến trong người Thái. Cũng như vậy, có nhiều từ Nam Chiếu được ghi lại được xác định là ngôn ngữ Lolo, và không có trong từ vựng Thái.

Phát triển [sửa | sửa mã nguồn]



Châu Á vào khoảng năm 800, Nam Chiếu

và các quốc gia lân bang

Năm 748, nhà Đường phong Mông Các La Phượng làm **Vân Nam vương** (雲南王). Có sự giúp sức của nhà Đường, Các La Phượng khống chế và thu tóm chính quyền các bộ tộc của Thoán Thị (爨氏) và chiếm hầu hết khu vực Vân Nam.

Trong khi đó Thiên Vu Trọng Thông (鲜于仲通) được phong làm Tiết độ sứ Kiến Nam, còn Trương Kiền Đà làm Thái thú Vân Nam. Vị tân Thái thú hành vi ngạo nghễ bạo ngược, đối đãi vợ chồng Các La Phượng khiếm nhã, lại còn vu cáo Các La Phượng mưu phản. Năm Thiên Bảo thứ 9 (750), Các La Phượng vây giết Trương Kiền Đà, chính thức phản Đường. Nghe tin, Tể tướng nhà Đường là Dương Quốc Trung phái Thiên Vu Trọng Thông đem quân đội đến Nhung Châu, Tây Châu, chia ra 3 đường tiến binh chống lại Nam Chiếu. Các La Phượng nhanh chóng phái sứ giả giảng hòa, nhưng nhà Đường cự tuyệt, thế là Các La Phượng bí bách xin Thổ Phồn cứu giúp.

Năm 751, quân đội nhà Đường tiến tới kinh sư của Nam Chiếu nhưng đội quân này đã bị đánh bại ở Hạ Quan bởi liên quân Nam Chiếu và Thổ Phồn. Cùng năm này, nhà Đường còn chịu một thất bại khác rất nặng nề dưới tay của người Ả Rập trong Trận chiến Talas ở Trung Á; các thất bại này đã làm nhà Đường suy yếu cả trong lẫn ngoài. Ngày nay, mồ tướng (2 km về phía tây Hạ Quan), và mã vạn binh (trong công viên Thiên Bảo) là chứng tích cho thảm bại này. Từ trận này, Nam Chiếu và Thổ Phồn kết làm huynh đệ chi bang.

Năm 754, nhà Đường lại cử Lý Mật đem quân đội sang đánh, lần này từ phía bắc, nhưng khi quân đến thì không công thành được, lại hết lương, bệnh dịch nên Lý Mật phải rút đi. Các La Phượng nhân đó truy kích và tiêu diệt toàn bộ quân của Lý Mật.

Được lợi từ những thành công này, Nam Chiếu phát triển và bành trướng rất nhanh, đầu tiên là vào Miến Điện, sau đó là toàn bộ Vân Nam ngày nay, xuống phía bắc Lào và Thái Lan, và sau đó về phía bắc tới Tứ Xuyên. Năm 764, Nam Chiếu thiết lập kinh đô thứ hai tại Côn Minh với một bộ máy hành chính quan lại rất hoàn chỉnh.

Năm 829, Thành Đô đã bị quân Nam Chiếu chiếm đóng; nó đã là một phần thưởng lớn, vì nó làm cho Nam Chiếu có khả năng đánh chiếm toàn bộ tỉnh Tứ Xuyên với những cánh đồng màu mỡ. Điều này là quá nhiều đối với người Trung Hoa, họ đã không mất nhiều thời gian để phản công.

Nam Chiếu cũng đã từng xâm chiếm An Nam (tên gọi khi đó của Việt Nam) từ những năm 858 tới năm 866. Về việc này, trong ĐVSKTT có chép (lược trích lại):

“ Bính Dần, [846] ư, (Đường Hội Xương năm thứ 6). Người Nam Man (tức Nam Chiếu) vào cướp. Vua Đường sai Kinh lược Sứ là Bùi Nguyên Hựu đem quân các đạo lân cận đánh dẹp được. Mậu Dần, 858, (Đường Đại Trung, năm thứ 12). Mùa xuân, người Nam Chiếu kéo đến đông, đóng ở bến đò Cẩm Điện. Vương Thúc khi đó là Giao Châu kinh lược đô hộ sứ, sai người đến dụ, chỉ một đêm người Nam Chiếu lại kéo đi. Nguyên nhân do đô hộ Lý Trác tham lam tàn bạo, mua hiếp bò ngựa của người Man, mỗi con chỉ trả cho một đấu muối, giết tù trưởng Man là Đỗ Tồn Thành, dân Man oán giận, dẫn đường cho người Nam Chiếu đến lấn cướp biên giới. Tháng 5 năm ấy, người Nam Chiếu đến cướp, Thúc đánh lui được. Canh Thìn, 860, (Đường Ý Tông, Thôi Hàm Thông, năm thứ 1). Mùa đông, tháng 12, ngày Mậu Thân, người thổ man dẫn quân Nam Chiếu hợp lại hơn 30.000 người, đánh chiếm phủ trị. Tân Tỵ, 861, (Đường Hàm Thông, năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, vua Đường phát quân Ung, Quan và các đạo lân cận sang cứu Lý Hộ, đánh lại Nam Chiếu. Mùa hạ, tháng 6, ngày Quý Sửu, vua Đường sai phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan làm Kinh lược sứ An Nam. Bấy giờ Lý Hộ từ Vũ Châu thu nhặt quân người địa phương Giao Châu đánh bọn Nam Chiếu, lấy lại được phủ thành. Nhâm Ngọ, 862, (Đường Hàm Thông, năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Nam Chiếu lại vào cướp phá. Vương Khoan mấy lần sai sứ cáo cấp. Vua Đường sai Hồ Nam quan sát sứ là Sái Tập thay thế, đem binh các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, hợp lại 30.000, giao cho Tập để chống cự. Yếu thế, quân Nam Chiếu rút lui. Mùa đông, tháng 10, Nam Chiếu đem 50.000 người đến cướp, Tập cáo cấp. Vua Đường sai lấy quân hai đạo Kinh Nam, Hồ Nam 2.000 người và nghĩa chính ở Quế Quân 3.000 người đến Ung Châu chịu lệnh tiết chế của Trịnh Ngu để sang cứu Sái Tập. Tháng 12, Tập lại xin thêm quân, vua Đường sắc cho Sơn Nam đông

đạo đem 1.000 quân cung nỏ sang cứu. Quý Mùi, 863, (Đường Hàm Thông, năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Ngọ, quân Nam Chiếu đánh chiếm phủ thành. Nam Chiếu hai lần chiếm Giao Châu, vừa giết vừa bắt gần 150.000 người. Khi rút lui còn lưu lại 20.000 quân, sai Tư Tấn giữ thành Giao Châu. Người Di Lão ở các khe động đều hàng phục cả. Vua Nam Chiếu cho thuộc hạ là Đoàn Tử Thiên làm tiết độ sứ phủ Giao Châu. Giáp Thân, 864, (Đường Hàm Thông, năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, vua Đường cho Cao Biền làm Đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ. Ất Dậu, 865, (Đường Hàm Thông, năm thứ 6). Mùa thu, tháng 7, Cao Biền sửa quân ở trấn Hải Môn. Biền đem hơn 5.000 quân vượt biển đi trước. Tháng 9, Biền đến Nam Định, Phong Châu, quân Man gần 50.000 đương gặt lúa, Biền ập đến đánh tan, chém được bọn Trương Thuyên, thu lấy số lúa đã gặt để nuôi quân. Bính Tuất, 866, (Đường Hàm Thông, năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 4, Nam Chiếu sai Trương Tập giúp Tử Thiên đánh Giao Châu, cho Phạm Nật Ta làm Đô thống Giao Châu. Giám trận nhà Đường sai Vi Trọng Tế đem hơn 7.000 quân đến Phong Châu. Biền được thêm quân, tiến đánh Nam Chiếu, nhiều lần đánh tan được. Tháng ấy, Biền đánh tan quân Nam Chiếu, giết và bắt sống rất nhiều. Nam Chiếu thu quân còn sót chạy vào châu thành cố giữ. Mùa đông, tháng 10, Cao Biền vây châu thành hơn 10 ngày, người Man rất khổn quẫn. Biền đến nơi đốc thúc khích lệ tướng sĩ, lấy được thành, giết Tử Thiên và Chu Cổ Đạo là người thổ man dẫn đường cho quân Nam Chiếu, chém hơn 30.000 đầu. Quân Nam Chiếu trốn đi, Biền lại phá được hai động thổ man đã theo Nam Chiếu, giết tù trưởng. Người thổ man rủ nhau quy phục đến 17.000 người.”

Ngoài ra, Nam Chiếu cũng đã nhiều lần tấn công Myanma. Từ giữa thế kỷ thứ 8 cho tới cuối thế kỷ thứ 9, Nam Chiếu là một cường quốc trong vùng nam Trung Quốc, bắc Đông Nam Á. Nó liên tục gây sức ép quân sự lên Các thị quốc Pyu ở miền trung Miến Điện bây giờ, quân Nam Chiếu đánh tới tận miền nam Miến Điện và miền bắc Thái Lan đầu thế kỷ thứ 9, mở cuộc viễn chinh đánh Chân Lạp và ghi lại là họ đã tiến tới tận bờ biển, liên tiếp tiến công vào An Nam đô hộ phủ thuộc nhà Đường trong khoảng thời gian 846-866.

Đây là thời kỳ sức mạnh Nam Chiếu đạt đến đỉnh điểm, rồi dần suy đi, trước sức ép của Trung Hoa đang cường thịnh trở lại, và Việt Nam giành được độc lập.

Suy yếu [sửa | sửa mã nguồn]

Năm 873, Nam Chiếu bị đuổi khỏi Tứ Xuyên và bị đẩy lùi về Vân Nam. Việc chiếm đóng Thành Đô là mốc đỉnh cao của nhà Nam Chiếu, từ đó trở đi vương quốc Nam Chiếu bắt đầu suy yếu. Tới nửa sau thế kỷ 9, Nam Chiếu chỉ còn duy trì ảnh hưởng của mình ở vùng tây nam Trung Hoa, sau hàng thập kỷ chiến tranh liên tục.

Tình hình chính trị nội bộ của Nam Chiếu cũng không ổn định với việc có tới 13 vua lên ngôi trong vòng 120 năm tiếp đó, và không ai trong số họ quan tâm đến việc bành trướng thế lực về phía nam nữa. Trong đó, dòng họ Trịnh ở Vân Nam là người Hán nhiều năm thừa kế chức *Thanh bình quan* (清平官) thao túng Nam Chiếu. Năm 897, Thanh bình quan Trịnh Mãi Tự sai Dương Đăng giết chết Nam Chiếu vương Mông Long Thuần.

Năm 902, Trịnh Mãi Tự giết chết 800 người thân tộc của Nam Chiếu vương, triều đại Nam Chiếu bị lật đổ, và sau đó là Đại Trường Hòa. Sau Đại Trường Hòa, lại có Đại Thiên Hưng, Đại Nghĩa Ninh 3 triều đại kế tiếp nhau cho đến khi Đoàn Tư Bình nắm quyền năm 937 để thành lập ra Vương quốc Đại Lý.

Chính trị [sửa | sửa mã nguồn]

Nền chính trị trung ương của Nam Chiếu ảnh hưởng mạnh của văn hóa nhà Đường.

Lúc này bộ máy cai trị có **Lục tào** (六曹), gồm: Binh tào (兵曹), Hộ tào (戶曹), Khách tào (客曹), Pháp tào (法曹), Sĩ tào (士曹) cùng Thương tào (倉曹). Cơ bản là noi theo Đường triều đại phương quan chế. Thời hậu kì lại sửa thành **Tam thác** (三托); Khất thác (乞托) quản ngựa; Lộc

thác (祿托) quản bò và Cự thác (巨托) quản thương nghiệp. Dưới là **Cửu sảng** (九爽) gồm; Mạc sảng (幕爽) quản quân đội; Tông sảng (琮爽) quản hộ tịch; Từ sảng (慈爽) quản lễ nghi; Phạt sảng (罰爽) quản hình luật; Khuyến sảng (勸爽) quản lý quan viên; Quyết sảng (厥爽) quản lý công tác; Vạn sảng (萬爽) quản tài dụng; Dẫn sảng (引爽) quản người khách (nô lệ) và Hòa sảng (禾爽) quản lý thương nhân. Cứ mỗi 3 sảng thì có một **Đốc sảng** (督爽) quản hạt. Tể tướng gọi *Thanh Bình quan* (清平官), giải quyết các việc quốc sự lớn nhỏ, cùng *Đại quân tướng* (大軍將) và Quốc vương có quyền quyết định tối cao. Ở địa phương, khu vực Lục Chiếu khi đó chia thành *Lục kiểm* (六臉); trong đó *Kiểm* tương ứng với Châu thời Đường. Những khu vực bị chinh phục mà thành thì được gọi là *Tiết độ* (節度). Cụ thể như sau:

- **Kiểm** (臉): đến thời hậu kỳ đã lên tới con số 11 kiểm.
 - **Đại Hòa kiểm** (大和臉): ngày nay là khu Đại Hòa, Thành phố Đại Lý.
 - **Tư Mị kiểm** (苴咩臉): còn gọi *Dương Tư Mị* (阳苴咩), ngày nay là khu vực Đại Lý cổ thành.
 - **Đại Ly kiểm** (大厘臉): nay là khu vực Hỉ Châu.
 - **Đằng Xuyên kiểm** (邛川臉): nay là khu Đặng Châu.
 - **Mông Xá kiểm** (蒙舍臉): nay là khu huyện Ngụy Sơn.
 - **Bạch Nhai kiểm** (白崖臉): nay là khu vực huyện Di Độ.
 - **Vân Nam kiểm** (云南臉): nay là khu vực huyện Tường Vân.
 - **Phẩm Đàm kiểm** (品澹臉): nay là khu vực huyện Tường Vân.
 - **Mông Tần kiểm** (蒙秦臉): nay là khu vực huyện Dạng Ty.
 - **Hĩ Hòa kiểm** (矣和臉): nay là khu vực huyện Nhĩ Nguyên.
 - **Triệu Xuyên kiểm** (赵川臉): nay là khu vực trấn Phượng Nghi của Thành phố Đại Lý.

Ngoài *Kiểm*, Nam Chiếu quốc sau khi thu phục sẽ đặt các khu vực **Tiết độ** (節度) và **Đô đốc** (都督). Thời đầu có 8 Tiết độ: Vân Nam (雲南), Thác Đông (拓東), Vĩnh Xương (永昌), Ninh Bắc (寧北), Trấn Tây (鎮西), Khai Nam (開南), Bạc Sinh (銀生) và Thiết Kiều (鐵橋).

Thời hậu kỳ:

- Lục tiết độ: Lộng Đống (弄棟), Vĩnh Xương (永昌), Bạc Sinh (銀生), Kiểm Xuyên (劍川), Thác Đông (拓東) và Lệ Thủy (麗水).
- Nhị đô đốc: Hội Xuyên (會川), Thông Hải (通海).

Quân đội [sửa | sửa mã nguồn]

Nam Chiếu có hệ thống binh đội thiện chiến, cơ bản chia ra quân thường trực, hương binh và di tốt.

Quân thường trực số lượng không lớn, nhưng sức chiến đấu rất mạnh, được xưng là **[La Tư tử; 囉苴子]**. Hương binh là lực lượng quân sự cơ sở của Nam Chiếu, khi xảy ra chiến tranh thì từ các thôn ấp điều động. Ngày thường ở thôn ấp thì họ cày ruộng như dân thường, đến khi chiến tranh thì lập tức thành binh sĩ, tương tự thể chế ngụ binh ư nông mà lịch sử Việt Nam thường thấy. Còn *Di tốt* (夷卒) là dạng dân tộc thiểu số có vũ trang, cũng có tính chất lâm thời như Hương binh, khi bình thường thì trú ở các khu tự trị, khi có biến thì được điều quân. Loại *Di tốt* này cực kì thiện chiến, hay cùng *La Tư tử* làm tiên phong.

Người quản lý quân sự cao cấp nhất ở Nam Chiếu gọi là *Đại quân tướng* (大軍將), một loại chức vụ vinh dự, có thể từ các Tiết độ sứ, Đô đốc, Thanh Bình quan hay Tào trưởng tiếp nhiệm. Bên dưới có các chức vụ như Diễn tập (演習), Diễn lãm (演覽), Thiện duệ (繕裔), Thiện lãm (繕覽), Đàm tù (澹酋), Đàm lãm (澹覽), Mạc ngụy (幕偽) và Mạc lãm (幕覽).

Kinh tế [sửa | sửa mã nguồn]

Nam Chiếu xã hội kinh tế phát triển không cân bằng, lấy Điền Trì và Nhị Hải hai địa khu làm

chuẩn tối cao.

Nông nghiệp lấy lúa nước làm chủ yếu, còn có đậu, mạch, túc, tặc các loại ngũ cốc và hoa màu khác. Đa số là trồng lúa mạch, mỗi năm có 2 vụ mùa, chủ yếu trồng trên các ruộng bậc thang. Ở Nam Chiếu thì chăn nuôi là ngành cực kỳ tiên tiến. Thủ công nghiệp tương đối phát đạt, đặc biệt xứ sở này rất nổi tiếng việc chế tạo binh khí. Tại Di Độ ở Vân Nam còn có một cái trụ bằng sắt, cho thấy trình độ đúc khí ở Nam Chiếu xưa đã phát triển thế nào.

Thời hậu kỳ của Nam Chiếu, ở Tứ Xuyên có nhiều thợ thủ công từ phương Nam đến, nên các ngành kéo dệt, trở sơn rất phát triển. Khi giao dịch, nam Chiếu chuộng dùng tăng bạch, muối khối, thời hậu kỳ ưa dùng bối tệ (貝幣; tiền bằng vỏ sò).

Xã hội [sửa | sửa mã nguồn]

Văn hóa [sửa | sửa mã nguồn]

Văn học Nam Chiếu đã chịu ảnh hưởng rất nhiều chữ Hán đến từ nhà Đường, song vẫn có những thành tựu bản ngữ (tức tiếng Bạch) nhất định. Dân gian lấy chữ Hán để phỏng lại tiếng Bạch, từ đó tạo ra *Chính văn* của Nam Chiếu. Vào thời hậu kỳ, triều đình Nam Chiếu phái rất nhiều con em quý tộc đến Thành Đô để du học, và cũng do vậy các thi nhân Nam Chiếu đều có phong thái thơ văn, truyện phú đều rất tương đồng với nhà Đường, cụ thể có Nam Chiếu đức hóa bi (南诏德化碑).

Âm nhạc và vũ đạo của Nam Chiếu muôn màu muôn vẻ, ắt hẳn chịu những nét của dân tộc thiểu số bản địa và Đông Nam Á nói chung. Năm 745, Đường Huyền Tông từng ban cho Nam Chiếu 2 bộ nhạc của người Hồ, và năm 800 thì Nam Chiếu cũng hiến *Thiên Nam Điền Việt tục ca* (天南滇越俗歌), sau đổi tên thành *Nam Chiếu phụng thánh nhạc* (南诏奉圣乐), tham gia diễn xuất nhân số đạt trăm người. Nam Chiếu còn hay chơi một loại ca vũ, mang tính chất Phật giáo. Nam Chiếu dân gian ca vũ lấy “*Đạp ca*” (踏歌), “*Hồ lô sinh*” (壶芦笙) tương đối phổ biến, thiếu niên đệ tử cũng thích thổi lá cây để biểu đạt cảm tình.

Nền hội họa Nam Chiếu được bảo tồn đến nay không nhiều lắm, chỉ có *Nam Chiếu đồ truyện* (南诏图传) là tiêu biểu.

Dân chủng [sửa | sửa mã nguồn]

Nam Chiếu quốc khi ấy là một hỗn hợp, tương tự hợp chủng quốc, có hơn mười mấy dân tộc quy tụ, song nhiều nhất phải kể đến **Bạch Man** (白蛮; tổ tiên của người Bạch) và **Ô Man** (乌蛮; tổ tiên của người Di). Bạch Man chủ yếu phân bố ở Điền Tây, Điền Trung ở dải vùng Bình Bá, giao thông phát đạt. Ô Man chủ yếu phân bố ở vùng Điền Đông và một số vùng núi hẻo lánh trong hang, cốc.

Ngoài ra còn có **Hòa Man** (和蛮; nay là người Hà Nhì), **Thuận Man** (顺蛮; nay là người Lật Túc), **Ma Chút** (磨些; nay là người Naxi), **Tầm Truyền** (寻传; nay là người A Xương), **Lỏa Hình** (裸形; nay là người Kachin), **Kim Xỉ** (金齿; nay là người Thái), **Phác Tử Man** (朴子蛮; nay là người Palaung, người Bô-lăng, người Va),...

Tôn giáo [sửa | sửa mã nguồn]

Nam Chiếu có một mối liên quan mật thiết với đạo Phật, được minh chứng bằng các nghệ thuật điêu khắc đá còn tồn tại từ thời kỳ đó. Một số học giả nói rằng đạo Phật dòng Asarya của Nam Chiếu có liên quan đến Phật giáo Ari của bộ phái Mật tông đã từng tồn tại ở Pagan, Myanma. Đây là kết quả của việc Nam Chiếu bành trướng thế lực và lãnh thổ của mình, kiểm soát một vùng rộng lớn nay là Vân Nam và một phần lãnh thổ Miến Điện và đông bắc Ấn Độ, mở đường thông thương giữa Trung Quốc với Ấn Độ. Việc Nam Chiếu, cũng giống như nhà Đường ở Trung Quốc, và Đại Việt khi đó, theo Phật giáo đã giúp đạo Phật lan tỏa, cũng như phổ biến văn

hóa và kiến trúc Ấn Độ.

Niên biểu [sửa | sửa mã nguồn]

Đại Mông Miếu hiệu Thụy hiệu Họ tên Thời gian trị vì Mông Cao Tổ Kì Gia vương Mông Tế Nô La (Mông Độc La) 649-674 Mông Thế Tông Hưng Tông vương Mông La Thịnh Viêm (Mông La Thịnh) 674-712 Mông Viêm Các 712 Mông Thái Tông Uy Thành vương Mông Thịnh La Bì (Mông Thành Lạc Khôi) 712-728 Quy Nghĩa vương Mông Bì La Các (Mông Khôi Lạc Giác) 728-748 Thần Vũ vương Mông Các La Phượng (Mông Giác Lạc Phượng) 748-779 Hiếu Hằng vương (Nhật Đông vương) Mông Dĩ Mâu Tầm 779-808 Hiếu Huệ vương Mông Tầm Các Khuyển (Mông Tân Giác Khuyển) 808-809 U vương Mông Khuyển Long Thịnh (Mông Long Thịnh) 809-816 Tĩnh vương Mông Khuyển Lợi Thịnh (Mông Khuyển Lợi) 816-823 Chiêu Thành vương Mông Khuyển Phong Hữu (Mông Phong Hữu) 823-859 Đại Lễ Thụy hiệu Họ tên Thời gian trị vì Cảnh Trang đế Mông Thế Long (Mông Hữu Long hay Mông Tù Long) 859-877 Đại Phong Dân Thụy hiệu Họ tên Thời gian trị vì Thánh minh văn vũ đế Mông Long Thuần (Mông Thế Thuần hay Mông Pháp) 877-897 Hiếu Ai đế Mông Thuần Hóa Trinh 897-902 Đại Trường Hòa Thụy hiệu Họ tên Niên hiệu Thời gian trị vì Thánh minh văn vũ uy đức Hoàn hoàng đế Trịnh Mãi Tự Trung Hưng

An Quốc 902-910 Túc văn thái thượng hoàng đế Trịnh Nhân Mân Thủy Nguyên

Thiên Thụy Cảnh Tĩnh

An Hòa

Trinh Hữu

Sơ Lịch

Hiếu Trì 910-926 Cung huệ hoàng đế Trịnh Long Đản Hiếu Trì

Thiên Ứng 926-927 Đại Thiên Hưng (Hưng Nguyên) Thụy hiệu Họ tên Niên hiệu Thời gian trị vì Diệu khang hoàng đế Triệu Thiện Chính Tôn Thánh 928-929 Đại Nghĩa Ninh Thụy hiệu Họ tên Niên hiệu Thời gian trị vì Túc cung hoàng đế Dương Càn Trinh Hưng Thánh

Quang Thánh 929-930 Dương Chiêu (Dương Minh) ^[1] Đại Minh

Đỉnh Tân 930-937

Chú thích [sửa | sửa mã nguồn]

- [↑] Đoàn Ngọc Minh, “Đại Lý quốc sử”

Tham khảo [sửa | sửa mã nguồn]

- Chan, Maung (tháng 3 năm 2005) Theravada Buddhism and Shan/Thai/Dai/Laos Regions.
- Wyatt, David K, *Thailan: A short History*, Yale University Press, New Haven and London, 1984

<https://fifa4.net/>

Bài viết [Nam Chiếu là gì? Tìm hiểu về Nam Chiếu – Wikipedia](#) đã xuất hiện đầu tiên vào ngày [FIFA ONLINE 4](#).

Nguồn: FIFA ONLINE 4

<https://fifa4.net/nam-chieu-la-gi-tim-hieu-ve-nam-chieu-wikipedia/>

Xem thêm tại:

https://drive.google.com/drive/folders/1-0bVOVvGLHaDfWs3B_LKllgWNYqgo9pF